

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v thỏa thuận chủ trương điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ (đợt 2)

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 52 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: “Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất ...” và theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: “... Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.”;

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 58/NQ-CP); ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 283-TB/TU ngày 06/9/2021;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2462/STC-TCHCSN ngày 13/8/2021 về việc đề xuất cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ (đợt 2), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên và điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 58/NQ-CP, cụ thể như sau:

- Thống nhất cắt giảm, tiết kiệm và điều chỉnh giảm dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã giao cho các đơn vị dự toán khối tỉnh (đợt 2), với tổng số tiền: **26.054.529.000 đồng** (trong đó bao gồm 10% tiết kiệm chi ngân sách quản lý tập trung tại ngân sách tỉnh là 180.000.000 đồng), chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo Văn bản này.

- Cho phép bổ sung tương ứng số tiền nêu trên vào dự phòng ngân sách tỉnh năm 2021 để chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

- Thống nhất số liệu tổng hợp chung về điều chỉnh giảm dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 (cả đợt 1 và đợt 2) do tiết kiệm, cắt giảm kinh phí chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ, chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo Văn bản này.

Về số liệu cắt giảm, tiết kiệm và điều chỉnh giảm dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 (đợt 1), Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5265/UBND-TH ngày 25/8/2021.

Kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thỏa thuận để Ủy ban nhân dân tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, K17.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

**ĐỀ XUẤT CẮT GIẢM VÀ TIẾT KIỆM THÊM KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 58/NQ-CP NGÀY 08/6/2021 CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2021	Chia ra							
			Chi SN kinh tế	Chi SN bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề	Chi SN KHCN	Chi SN VH TT	Chi SN TDTT	Chi SN ĐBXH	Chi quản lý hành chính
A	Dự toán các đơn vị	25.874.529	4.853.560	10.882.805	2.509.889	330.000	1.797.900	1.322.000	1.132.000	3.046.375
1	Ủy ban MTTQVN tỉnh	500.000								500.000
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.000.000			1.000.000					
3	Sở Khoa học và Công nghệ	330.000				330.000				
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.012.000			800.000				1.132.000	80.000
5	Sở Tài nguyên và môi trường	11.019.716		10.882.805	1.959					134.952
6	Sở Công Thương	1.951.413	1.466.560		213.480		45.000			226.373
7	Sở Văn hóa và Thể thao	2.668.100					1.071.100	1.322.000		275.000
8	Sở Du lịch	1.100.000	1.100.000							
9	Sở Thông tin và Truyền thông	246.300			64.500		181.800			
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.377.000	2.287.000							90.000
11	Ban Dân tộc tỉnh	1.170.000								1.170.000
12	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	1.500.000			429.950		500.000			570.050
B	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện chế độ cải cách tiền lương	180.000			48.000					132.000
C	TỔNG CỘNG (A+B)	26.054.529	4.853.560	10.882.805	2.557.889	330.000	1.797.900	1.322.000	1.132.000	3.178.375

*** Ghi chú:**

Phần tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện chế độ CCTL (Đề xuất giảm đối với những nhiệm vụ đã giao nhưng đơn vị chưa triển khai thực hiện):

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Kinh phí kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật lao động, dự toán giao 20 tr.đồng, trong đó 10% TKC để tạo nguồn CCTL do ngân sách quản lý tập trung là 2tr.đồng

- Ban Dân tộc: Kinh phí sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc của Ban Dân tộc và sửa chữa, cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy Nhà làm việc số 06- Trần Phú dự toán giao 1.300 tr.đồng, trong đó 10% TKC để tạo nguồn CCTL là 130tr.đồng

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh: Kinh phí đào tạo tập huấn dự toán giao 477,95 triệu đồng, trong đó 10% TKC để tạo nguồn CCTL do NS quản lý tập trung là 48 tr.đồng.

**TỔNG HỢP CẮT GIẢM VÀ TIẾT KIỆM THÊM KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 58/NQ-CP NGÀY 08/6/2021 CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2021	Chia ra												
			Chi SN kinh tế	Chi SN bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề	Chi SN KHCN	Chi SN VH TT	Chi SN PTTH	Chi SN TDTT	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi SN ĐBXH	Chi quản lý hành chính	Chi An ninh	Chi Quốc phòng	Chi khác
A	Dự toán các đơn vị	54.395.357	8.851.558	11.322.933	6.856.952	1.496.300	3.094.951	356.200	2.547.325	1.729.003	1.132.000	16.466.135	90.000	372.000	80.000
1	Văn phòng Tỉnh ủy	3.670.183					31.852					3.638.331			
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	131.314										131.314			
3	Văn phòng UBND tỉnh	304.054					31.054					273.000			
4	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	140.000												140.000	
5	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	232.000												232.000	
6	Công an tỉnh	90.000											90.000		
7	Ủy ban MTTQVN tỉnh	1.736.500			200.000							1.536.500			
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.386.119		15.300	4.302.519							68.300			
9	Sở Nội vụ	593.581	18.881									574.700			
10	Sở Ngoại vụ	60.218										60.218			
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.719.100			800.000						1.132.000	1.787.100			
12	Sở Tài nguyên và môi trường	11.905.110	315.595	11.125.922	2.176							461.417			
13	Sở Y tế	1.884.294			18.000					1.721.003		145.291			
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	175.219	53.134									122.085			
15	Sở Công Thương	2.424.673	1.786.300		244.600		50.000					343.773			
16	Sở Văn hóa và Thể thao	4.752.480					1.777.145		2.547.325			428.010			
17	Sở Du lịch	1.614.689	1.559.503									55.186			
18	Sở Thông tin và Truyền thông	1.098.411			260.000		543.400					295.011			
19	Sở Xây dựng	131.400			27.000							104.400			
20	Sở Nông nghiệp và PTNT	4.970.831	3.744.738		94.500							1.131.593			
21	Sở Tư pháp	510.210	214.290		22.500							273.420			
22	Sở Tài chính	528.289			111.500							416.789			
23	Sở Khoa học và Công nghệ	1.589.000				1.176.300						412.700			
24	Sở Giao thông vận tải	332.800	276.200		22.500							34.100			
25	Thanh tra tỉnh	115.900			13.500							102.400			
26	Ban Dân tộc tỉnh	1.860.661										1.860.661			
27	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	768.983	546.836	89.262	16.607							116.278			
28	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	36.081	36.081												
29	Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	356.200						356.200							
30	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	2.128.600			543.950		661.500					923.150			
31	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	279.800			75.000							204.800			
32	Hội Nông dân tỉnh	171.200		45.000								126.200			

STT	Tên đơn vị	Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2021	Chia ra											Chi khác		
			Chi SN kinh tế	Chi SN bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề	Chi SN KHCN	Chi SN VH TT	Chi SN PTTH	Chi SN TDTT	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi SN ĐBXH	Chi quản lý hành chính	Chi An ninh		Chi Quốc phòng	
33	Trường Chính trị tỉnh	23.000			23.000											
34	Hội khuyến học	49.056										49.056				
35	Ban An toàn giao thông	300.000	300.000													
36	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội	20.000				20.000										
37	Liên minh HTX	139.320										139.320				
38	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	25.500										25.500				
39	Liên hiệp các Hội KHKT	40.100										40.100				
40	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu	47.449		47.449												
41	Quỹ Phát triển KH&CN	300.000				300.000										
42	Quỹ Khám chữa bệnh người nghèo	8.000								8.000						
43	Hội VHNT Bình Định	89.706										89.706				
44	Hội Nhà báo Bình Định	46.900										46.900				
45	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	13.910										13.910				
46	Hội Bảo trợ NKT&BVQTE tỉnh	16.090										16.090				
47	Hội Người mù tỉnh	29.110										29.110				
48	Hội Người cao tuổi tỉnh	23.740										23.740				
49	Hội Cựu tù chính trị CM tỉnh	41.090										41.090				
50	Hội Cựu TNXP tỉnh	9.900										9.900				
51	Hội Lâm vườn	35.500										35.500				
52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	191.200			79.600							111.600				
53	Hội Luật gia	43.892										43.892				
54	Hội Chữ thập đỏ	81.594										81.594				
55	Hội Đông y	18.000										18.000				
56	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo	15.000										15.000				
57	Ủy ban đoàn kết công giáo	9.400										9.400				
58	Cục Thống kê	60.000														60.000
59	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	20.000														20.000
B	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện chế độ cải cách tiền lương	180.000			48.000							132.000				
C	TỔNG CỘNG (A+B) (*)	54.575.357	8.851.558	11.322.933	6.904.952	1.496.300	3.094.951	356.200	2.547.325	1.729.003	1.132.000	16.598.135	90.000	372.000	80.000	

(*) Tổng số cắt giảm, tiết kiệm ngân sách tỉnh năm 2021 chưa kể phần cắt giảm, tiết kiệm thêm nguồn thu phí, thu nghiệp vụ được để lại cho các cơ quan, đơn vị là **2.449.647.000 đồng**.